

CÔNG TY: CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội Quý I năm 2012

Tel: Fax:

Mẫu số

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		513,195,789,246	477,441,188,730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	31,871,291,713	92,513,333,508
1. Tiền	111		11,871,291,713	2,213,333,508
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	90,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	381,562,082,866	325,327,082,866
1. Đầu tư ngắn hạn	121		381,562,082,866	325,327,082,866
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88,159,904,619	44,313,732,705
1. Phải thu khách hàng	131	7	11,505,717,086	15,937,562,668
2. Trả trước cho người bán	132	8	18,178,057,002	1,094,805,316
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	9	58,476,130,531	27,281,364,721
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	88,922,723	2,716,428,565
1. Hàng tồn kho	141		88,922,723	2,716,428,565
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,513,587,325	12,570,611,086
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,564,163,577	1,567,198,302
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85,172,123	1,142,004,435
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7,337,622,625	8,841,129,349
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,526,629,000	1,020,279,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,591,754,298,119	1,598,838,745,560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	11	846,832,000,000	846,832,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		846,832,000,000	846,832,000,000
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		295,216,503	4,794,839,307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	53,454,485	59,188,196
- Nguyên giá	222		108,523,626	108,523,626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55,069,141)	(49,335,430)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	5,833,336	7,583,335
- Nguyên giá	228		21,000,000	21,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15,166,664)	(13,416,665)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	235,928,682	4,728,067,776
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		743,085,290,999	745,167,490,999
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	580,803,405,653	580,803,405,653
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	32,762,945,282	32,762,945,282
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	177,509,309,164	179,591,509,164
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	18	(47,990,369,100)	(47,990,369,100)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,541,790,617	2,044,415,254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	1,063,370,147	1,565,994,784
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản dài hạn khác	268		478,420,470	478,420,470
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,104,950,087,365	2,076,279,934,290
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,006,332,729,626	982,695,952,255
I. Nợ ngắn hạn	310		493,696,004,744	470,548,361,479
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	128,191,326,213	128,191,326,213
2. Phải trả người bán	312		3,681,037,174	7,534,125,329
3. Người mua trả tiền trước	313			280,043,358
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	21	127,646,093	2,567,767,260
5. Phải trả người lao động	315		204,828,242	4,035,456
6. Chi phí phải trả	316	22	52,227,646,282	26,782,473,480
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	308,424,233,450	304,326,262,593
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		839,287,290	862,327,790
II. Nợ dài hạn	330		512,636,724,882	512,147,590,776
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	24	12,636,724,882	12,147,590,776
4. Vay và nợ dài hạn	334	25	500,000,000,000	500,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,098,617,357,739	1,093,583,982,035
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	1,098,617,357,739	1,093,583,982,035
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15,459,459	15,459,459
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4,376,214,656	4,376,214,656
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		94,225,683,624	89,192,307,920
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,104,950,087,365	2,076,279,934,290
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Kế toán trưởng

Trương Kim Loan

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2012

Q. Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phó Thiên Sơn

CÔNG TY: CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội

Quý I năm 2012

Tel: Fax:

Mẫu số

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,711,167,605	85,110,221,990
2. Điều chỉnh cho các khoản			(26,275,454,021)	(94,869,719,976)
- Khấu hao TSCĐ	02		7,483,710	1,549,929,428
- Các khoản dự phòng	03			47,990,369,100
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9,574,380)	(229,509,944,711)
- Chi phí lãi vay	06		(26,273,363,351)	85,099,926,207
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(19,564,286,416)	(9,759,497,986)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25,999,123,933)	5,703,299,447
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,627,505,842	780,580,143
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả)	11		(1,994,445,679)	50,918,778,602
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,250,776,970	633,524,850
- Tiền lãi vay đã trả	13		(155,555,556)	(59,758,611,222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(31,315,967,759)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		45,513,951,713	12,147,590,776
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(60,992,350,100)	(478,420,470)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(59,313,527,159)	(31,128,723,619)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(15,247,347,830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			10,471,699,796
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(859,675,000,000)	(258,728,460,162)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		858,322,200,000	409,368,783,861
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(456,742,876,213)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			150,511,782,350
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,285,364	202,570,328,104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,328,514,636)	42,203,909,906
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		40,000,000,000	338,818,643,040
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(40,000,000,000)	(210,627,316,827)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(60,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	68,191,326,213
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(60,642,041,795)	79,266,512,500
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		92,513,333,508	13,246,821,008
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		31,871,291,713	92,513,333,508

Kế toán trưởng

Hà nội, ngày 25 tháng 04 năm 2012

Q. Tổng giám đốc



Trương Hân Thanh




TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Thiên Sơn

CÔNG TY: CÔNG TY CP KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà nội
Tel: Fax:

Báo cáo tài chính
Quý I năm 2012

Mẫu số

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10,305,342,240	10,625,160,969	10,305,342,240	10,625,160,969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			68,154,622	-	68,154,622
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	10,305,342,240	10,557,006,347	10,305,342,240	10,557,006,347
4. Giá vốn hàng bán	11	27	8,018,048,292	4,002,173,322	8,018,048,292	4,002,173,322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2,287,293,948	6,554,833,025	2,287,293,948	6,554,833,025
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	33,530,921,276	28,705,332,017	33,530,921,276	28,705,332,017
7. Chi phí tài chính	22	29	26,429,167,982	17,511,011,541	26,429,167,982	17,511,011,541
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26,429,167,982	17,500,000,000	26,429,167,982	17,500,000,000
8. Chi phí bán hàng	24		565,284,272	85,735,727	565,284,272	85,735,727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,086,212,979	9,489,222,815	2,086,212,979	9,489,222,815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (24+25))	30		6,737,549,991	8,174,194,959	6,737,549,991	8,174,194,959
11. Thu nhập khác	31		561,346,880	3,881,952	561,346,880	3,881,952
12. Chi phí khác	32		587,729,266	7,720,004	587,729,266	7,720,004
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(26,382,386)	(3,838,052)	(26,382,386)	(3,838,052)
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6,711,167,605	8,170,356,907	6,711,167,605	8,170,356,907
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1,677,791,901	2,042,589,227	1,677,791,901	2,042,589,227
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5,033,375,704	6,127,767,680	5,033,375,704	6,127,767,680
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	-	-	-

Kế toán trưởng

Trương Kim Thanh

Hà nội, ngày 25 tháng 04 năm 2012
Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Thiên Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1.2012 kết thúc ngày
31 tháng 03 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 7 năm 2011 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 100.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 220 người (31 tháng 12 năm 2010: 176 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 31.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011	2010
	(Số năm)	(Số năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 10	03 - 05
Phương tiện vận tải	06	06
Thiết bị văn phòng	05 - 08	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi công ty nhận đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

- Tiền mặt	293,299,233	262,021,380
- Tiền gửi ngân hàng	11,577,992,480	1,951,312,128
- Tương đương tiền	20,000,000,000	90,300,000,000
Cộng	31,871,291,713	92,513,333,508

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

- Công ty CP đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt	80,000,000,000	80,000,000,000
- Công ty CP Sài Gòn Givral	108,000,000,000	99,000,000,000
- Công ty CP đầu tư tài chính Đất Việt	146,327,082,866	146,327,082,866
- Bà Hứa thị Bích Hạnh	40,000,000,000	
- Công ty TNHH MTV Ninh Bình Plaza	7,235,000,000	
Cộng	381,562,082,866	325,327,082,866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

-Thu tiền bán quyền căn hộ tại Nha Trang	4,530,606,815	4,530,606,815
-Công ty TNHH MTV Sao Hôm	273,500,000	273,500,000
- Công ty CP Kem Tràng Tiền		1,038,631,579
- Công ty CP DV hỗ trợ & PT đầu tư IOC	3,300,000,000	
- Công ty CP Sài Gòn Givral	3,401,610,271	
- Phải thu khách hàng khác		10,094,824,274
Cộng	11,505,717,086	15,937,562,668

8. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN:

- Công ty KBP Multiprocess Machinery		280,923,040
- Đinh Ánh Phụng	13,615,714,940	
- Các khoản trả trước khác	4,562,342,062	813,882,276
Cộng	18,178,057,002	1,094,805,316

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Hà Trọng Nam	48,423,611,110	26,305,555,555
NH TMCP Đại Dương - lãi tiền gửi		
Công ty CP đầu tư tài chính liên việt	3,680,000,000	40,000,000
Công ty CP Sài Gòn Givral	3,759,000,000	
Công ty CP du lịch khách sạn Suối mơ	2,219,307,060	594,061,052
Đối tượng khác	394,212,361	341,748,114
Cộng	58,476,130,531	27,281,364,721

10. HÀNG TỒN KHO

-Nguyên Vật liệu	-	-
-Công cụ dụng cụ	-	-
-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88,922,723	2,716,428,565
Cộng	88,922,723	2,716,428,565

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho Quý 1.2012 kết thúc ngày
31 tháng 03 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. PHẢI THU DÀI HẠN**

Công ty CP tập đoàn Đại Dương	100,000,000,000	100,000,000,000
Hà Trọng Nam	500,000,000,000	500,000,000,000
Euro metal Cans holding co PTE LTD	85,100,000,000	85,100,000,000
Công ty TNHH togi Việt nam	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty CP Viptour Togi	160,732,000,000	160,732,000,000
Cộng	846,832,000,000	846,832,000,000

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	
Số dư đầu năm	108,523,626
-Mua trong kỳ	0
-Đầu tư xây dựng CB hoàn thành	0
-Tăng khác	0
-Chuyển sang BĐS đầu tư	0
-Thanh lý, nhượng bán	0
-Giảm khác	0
-Số dư cuối kỳ	108,523,626
Giá trị hao mòn lũy kế	0
-Số dư đầu năm	49,335,430
-Khấu hao trong kỳ	5,733,711
-Tăng khác	0
-Chuyển sang BĐS đầu tư	0
-Thanh lý, nhượng bán	0
-Giảm khác	0
-Số dư cuối kỳ	55,069,141
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	
-Tại ngày đầu năm	59,188,196
-Tại ngày cuối kỳ	53,454,485

13.**TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1.2012 kết thúc ngày

31 tháng 03 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá TSCĐ vô hình	Phẩm mềm
Số dư đầu năm	21,000,000
-Mua trong kỳ	0
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	0
-Tăng do hợp nhất KD	0
-Tăng khác	0
-Thanh lý nhượng bán	0
-Giảm khác	0
Số dư cuối kỳ	21,000,000
-Giá trị hao mòn lũy kế	
-Số dư đầu năm	13,416,665
Khấu hao trong kỳ	1,749,999
-Tăng khác	0
-Thanh lý, nhượng bán	0
-giảm khác	
Số dư cuối kỳ	15,166,664
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình	
-Tại ngày đầu năm	7,583,335
-Tại ngày cuối kỳ	5,833,336

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

- Máy làm kem mochi		4,728,067,776
- Đăng ký thương hiệu quốc tế	235,928,682	
Cộng	235,928,682	4,728,067,776

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

- Công ty CP Sài Gòn Givral	221,772,279,186	221,772,279,186
- Công ty CP Dịch vụ hỗ trợ và phát triển (IOC	172,928,550,363	172,928,550,363
- Công ty CP du lịch khách sạn suối mơ	47,209,238,000	47,209,238,000
- Công ty CP Tân Việt	109,493,338,104	109,493,338,104
- Công ty CP Bánh Givral	29,400,000,000	29,400,000,000
Cộng	580,803,405,653	580,803,405,653

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty CP du lịch Dầu khí Phương Đông	32,762,945,282	32,762,945,282
Cộng	32,762,945,282	32,762,945,282

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

-Đầu tư cổ phiếu	49,677,219,863	49,677,219,863
-Cổ phiếu OJB	43,335,369,863	43,335,369,863
-Cổ phiếu Công ty CP truyền thông và máy tính	3,341,800,000	3,341,800,000
-Cổ phiếu THT	3,000,050,000	3,000,050,000
-Đầu tư dài hạn khác	127,832,089,301	129,914,289,301
-Công ty CP Việt Liên Á - Phú Hưng Gia	77,361,845,200	77,361,845,200
-Công ty TNHH MTV Sao hôm	16,150,000,000	16,150,000,000
- Cty CP du lịch KS Suối mơ	34,320,244,101	36,402,444,101
Tổng cộng	177,509,309,164	179,591,509,164

18. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

- CP Công ty CP du lịch KS Suối mơ	(22,050,851,302)	(22,050,851,302)
- Cty CP du lịch dầu khí phương đông	(25,939,517,798)	(25,939,517,798)
Cộng	(47,990,369,100)	(47,990,369,100)

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	1,565,994,784	3,766,717,936
Tăng trong năm	39,554,000	11,871,359,616
Giảm trong năm	(542,178,637)	(14,072,082,768)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012	1,063,370,147	1,565,994,784

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

-Ngân hàng TMCP Đại Dương	61,191,326,213	61,191,326,213
-Công ty CP Viptour togi	67,000,000,000	67,000,000,000
Cộng	128,191,326,213	128,191,326,213

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

-Thuế GTGT	86,257,530	2,555,397,983
-Thuế TNCN	41,388,563	
-Thuế khác		12,369,277
Cộng	127,646,093	2,567,767,260

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

-Trích trước chi phí lãi vay	51,614,927,411	25,341,314,985
-Trích trước chi phí khác	612,718,871	1,441,158,495
Cộng	52,227,646,282	26,782,473,480

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Công ty cp viptour - togi	6,633,600,000	6,633,600,000
- Công ty CP đầu tư & thương mại Vneco Hà	91,500,000,000	91,500,000,000
- Công ty CP ĐT TC Đất Việt (Cao Minh So	65,400,000,000	65,400,000,000
- Công ty CP tập đoàn Hoàng Phát visai	145,500,900,000	140,662,500,000
- Phải trả phải nộp khác	(610,266,550)	130,162,593
Cộng	308,424,233,450	304,326,262,593

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

-Nhận ký quỹ ký cược dài hạn dự án Condotel	12,636,724,882	12,147,590,776
Cộng	12,636,724,882	12,147,590,776

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

-Trái phiếu Ngân hàng Phuong Nam	500,000,000,000	500,000,000,000
Cộng	500,000,000,000	500,000,000,000

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01.01.2012	1,000,000,000,000	89,192,307,920	15,459,459	4,376,214,656	1,093,583,982,035
Tổng vốn trong năm					0
Tăng trong năm		5,033,375,704			5,033,375,704
Giảm trong năm					0
Số dư tại ngày 31.03.2012	1,000,000,000,000	94,225,683,624	15,459,459	4,376,214,656	1,098,617,357,739

27. DOANH THU - GIÁ VỐN

	Quý I/2012	Quý I/2011
Tổng doanh thu		
-Doanh thu kinh doanh khách sạn	1,032,614,967	4,032,006,347
-Doanh thu khác	9,272,727,273	6,525,000,000
Cộng	10,305,342,240	10,557,006,347

	Quý I/2012	Quý I/2011
Giá vốn hàng bán		
-Giá vốn kinh doanh khách sạn	-	1,079,942,796
-Giá vốn khác	8,018,048,292	2,922,230,526
Cộng	8,018,048,292	4,002,173,322

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

-Doanh thu hoạt động tài chính khác	33,530,921,276	28,705,332,017
Cộng	33,530,921,276	28,705,332,017

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

-Lãi tiền vay	26,429,167,982	17,500,000,000
-Chi phí tài chính khác	-	11,011,541
Cộng	26,429,167,982	17,511,011,541

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	1,677,791,901	2,042,589,227
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào năm hiện hành		
-Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1,677,791,901	2,042,589,227

Hà nội, ngày 25 tháng 04 năm 2012
CÔNG TY CP KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phó Thiên Sơn